Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-04-08 08:09:48 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 67/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1256/TTr-BNNMT ngày 05 tháng 02 năm 2026;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

(Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

Để thực hiện Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 247/2025/QH15), Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai kịp thời, đồng bộ Nghị quyết số 247/2025/QH15 của Quốc hội, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng với trọng tâm là phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn vì sự phát triển bền vững của đất nước đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đề ra.

2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia chủ động, tích cực của toàn dân, huy động mọi nguồn lực xã hội trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được nêu tại Nghị quyết số 247/2025/QH15.

3. Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 247/2025/QH15 trên phạm vi cả nước. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức triển khai, theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 247/2025/QH15.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 247/2025/QH15 của Quốc hội đến các cấp, các ngành, toàn xã hội và Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp chính quyền, huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân trong công tác bảo vệ môi trường; xác định bảo vệ môi trường là trung tâm xuyên suốt trong tư duy, tầm nhìn và định hướng phát triển bền vững đất nước; thống nhất trong nhận thức và hành động coi chi cho môi trường là đầu tư cho phát triển, bảo đảm an ninh môi trường.

3. Ban hành danh mục các nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15 tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này.

4. Rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ môi trường tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ở các cấp, các ngành trong quá trình triển khai, thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, cơ quan, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu, đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cụ thể để thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 247/2025/QH15 và các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, hoàn thành việc ban hành kế hoạch trong quý I năm 2026; ưu tiên, thúc đẩy khuyến khích nguồn vốn xã hội hóa cho truyền thông, giáo dục về bảo vệ môi trường; bảo đảm lồng ghép tối đa các nhiệm vụ, nội dung trong quá trình thực hiện Kế hoạch với các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch có liên quan nhằm bảo đảm hiệu quả và tối ưu nguồn lực thực hiện.

2. Các bộ, ngành, địa phương báo cáo việc thực hiện Kế hoạch khi có yêu cầu. Bộ Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị đầu mối theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này.

3. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết số 247/2025/QH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 247/2025/QH15 CỦA QUỐC HỘI

(Kèm theo Kế hoạch tại Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
I. Các nhiệm vụ đến hết năm 2026					
1.	Tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật, điều chỉnh trong trường hợp cần thiết các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ và địa phương		2026	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.
2.	Thực hiện các biện pháp cấp bách kiểm soát, ngăn chặn và khắc phục, cải thiện tình trạng ô nhiễm không khí tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.	UBND TP. Hà Nội và UBND TP. Hồ Chí Minh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026	Thực hiện theo phạm vi quản lý.
3.	Đánh giá khả năng chịu tải và công bố kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt một số lưu vực sông liên tỉnh có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026	
4.	Cải thiện chất lượng môi trường một số đoạn sông bị ô nhiễm nghiêm trọng trên các sông:				
a	Ngũ Huyện Khê	UBND tỉnh Bắc Ninh	Các bộ, ngành có liên quan	2026	
b	Tô Lịch	UBND TP. Hà Nội	Các bộ, ngành có liên quan	2026	
c	Hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
5.	Hoàn thành và đưa vào vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia, bảo đảm tích hợp, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia và chia sẻ theo thời gian thực; tích hợp với hệ thống thông tin địa lý để xây dựng bản đồ chất lượng môi trường, công bố, công khai cho cộng đồng và triển khai áp dụng cho một số đô thị lớn (TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh…).	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026	
6.	Thiết lập và vận hành sàn giao dịch các-bon trong nước.	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan	2026	
7.	Hoàn thiện các quy định pháp lý về trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon với quốc tế; quy định tỷ lệ kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, lượng tín chỉ các-bon tối thiểu được giữ lại để thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định khi trao đổi, chuyển giao ra quốc tế phù hợp với từng giai đoạn và tình hình thực tế trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026	
8.	Thiết lập nền tảng giám sát, dữ liệu môi trường biển phục vụ quản lý nhà nước. Xây dựng và đưa vào vận hành phân hệ dữ liệu môi trường biển trong Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
9.	Rà soát, cập nhật kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính cho từng ngành, lĩnh vực phù hợp với Đóng góp do quốc gia tự quyết định giai đoạn 2026 – 2035.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.
II. Các nhiệm vụ đến năm 2030 và các năm tiếp theo					
A. Phòng ngừa, kiểm soát và ngăn chặn từ sớm, từ xa các nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường; dự báo sớm tác động của biến đổi khí hậu					
1.	Nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm về môi trường và tác động của biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương		2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.
2.	Kiểm soát chặt chẽ các yêu cầu về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các dự án đầu tư từ khâu phê duyệt dự án thông qua hoạt động thẩm định đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường. Nâng cao chất lượng thực hiện giám sát chặt chẽ, phòng ngừa đối với các cơ sở thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường cao.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các địa phương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.
3.	Nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định, đánh giá công nghệ sản xuất để kiểm soát, ngăn chặn hiệu quả việc nhập khẩu công nghệ cũ, lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vào Việt Nam.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
4.	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ, công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ, cơ sở hạt nhân nhằm phát hiện sớm nguy cơ và ngăn ngừa xảy ra sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
5.	Chủ động di dời các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp, làng nghề gây ô nhiễm, đặc biệt là tại các cụm công nghiệp, làng nghề xen lẫn với khu dân cư tới địa điểm có quy hoạch phù hợp, ưu tiên.	Các địa phương	Các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2030	
6.	Tổ chức thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính của các ngành, lĩnh vực theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định; rà soát, đề xuất các cam kết đóng góp về giảm phát thải khí nhà kính của các ngành, lĩnh vực trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định cho giai đoạn sau năm 2035. Xây dựng hệ thống báo cáo kiểm kê khí nhà kính trực tuyến để phục vụ tổng hợp, phân tích và báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính kịp thời và hiệu quả.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
7.	Hoàn thiện hệ thống báo cáo giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trực tuyến.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030	
B. Khắc phục, cải thiện chất lượng môi trường					
1.	Đẩy mạnh điều tra, đánh giá, phân loại, lập và thực hiện kế hoạch cải tạo, phục hồi khu vực đất bị ô nhiễm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn	Các địa phương	Các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
2.	Xử lý dứt điểm các cơ sở, làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.	Các địa phương	Các bộ, ngành có liên quan	2027	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
3.	Triển khai hiệu quả kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với lưu vực sông liên tỉnh, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội; tập trung khắc phục, cải thiện chất lượng môi trường các đoạn sông bị ô nhiễm (các lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy, sông Đồng Nai, sông Vu Gia - Thu Bồn và một số sông tại các đô thị lớn).	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
4.	Tăng cường thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị, phấn đấu đến năm 2030, bảo đảm tỷ lệ nước thải sinh hoạt tại các đô thị đặc biệt và đô thị loại I được thu gom, xử lý đạt khoảng 70%.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương	2026 - 2030	
5.	Triển khai Chương trình phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm trên các lưu vực sông lớn, quan trọng quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030	
6.	Kiểm soát chặt chẽ khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; hạn chế phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường không khí tại các đô thị lớn theo phân vùng môi trường; thực hiện lộ trình chuyển đổi xanh phù hợp trong hoạt động giao thông vận tải gắn với đầu tư hạ tầng và các cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội; có biện pháp loại bỏ phương tiện cơ giới không đủ tiêu chuẩn lưu hành gây ô nhiễm môi trường.	Bộ Xây dựng; các địa phương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
7.	Triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Các địa phương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan		2026 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.
8.	Quản lý chặt chẽ chất thải phát sinh từ hoạt động giao thông, xây dựng, đặc biệt tại các đô thị và hoạt động đốt phụ phẩm nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, tại thành phố Hà Nội, nồng độ bụi PM2.5 trung bình năm giảm khoảng 20% so với mức trung bình năm 2024, các thông số chất lượng không khí khác được duy trì, bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; tại các tỉnh, thành phố xung quanh khu vực thành phố Hà Nội (bao gồm: Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Ninh Bình), nồng độ bụi PM2.5 trung bình năm giảm tối thiểu 10% so với mức trung bình năm 2024; tại Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị khác trên toàn quốc, chất lượng không khí được duy trì kiểm soát, không để gia tăng mức độ ô nhiễm.	Các địa phương	Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
C. Tăng cường hiệu quả quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại					
1.	Thực hiện các biện pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, giảm phát sinh chất thải.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
2.	Thực hiện nghiêm quy định về thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân phù hợp với điều kiện, hạ tầng kỹ thuật của từng địa phương; đẩy mạnh thu hồi chất thải có khả năng tái chế.	Các địa phương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
3.	Chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tiên tiến, thân thiện với môi trường, ưu tiên tái chế, xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng thay cho chôn lấp. Tập trung cải tạo, nâng cấp và xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm do chất thải gây ra.	Các địa phương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
4.	Tổ chức xây dựng nội dung quy hoạch về địa điểm lưu giữ, xử lý, chôn cất chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng cấp quốc gia để tích hợp vào quy hoạch bảo vệ môi trường.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương có liên quan	2026 - 2030	
5.	Quản lý chặt chẽ, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp, đặc biệt là chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan và các địa phương		2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.
6.	Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ tái chế, xử lý pin, ắc quy xe điện, pin mặt trời và các loại chất thải phát sinh từ hoạt động chuyển đổi xanh; hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng để đẩy mạnh hoạt động tái sử dụng nước thải, tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (tro, xỉ, thạch cao,…) làm nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng san lấp mặt bằng,…góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương; các Bộ, ngành có liên quan; các địa phương		2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
7.	Đẩy mạnh mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình tập trung hoặc theo cụm đối với chất thải y tế lây nhiễm.	Các địa phương	Bộ Y tế	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
8.	Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, sửa đổi hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi các văn bản có liên quan để bảo đảm việc hạch toán, tính đúng, tính đủ các chi phí quản lý chất thải y tế vào chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.	Bộ Y tế, các địa phương	Bộ Tài chính	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
9.	Tổ chức thực hiện các quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong thu hồi, tái chế sản phẩm, bao bì thải bỏ; có cơ chế thúc đẩy hình thành các tổ chức trung gian tham gia việc thu gom, tái chế; xây dựng và nhân rộng các mô hình đặt cọc hoàn trả đối với sản phẩm, bao bì thải bỏ.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
10.	Phát triển mạnh ngành công nghiệp tái chế, khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm từ quá trình xử lý chất thải rắn để góp phần thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường.	Các bộ, ngành có liên quan; các địa phương		2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.
11.	Thúc đẩy các mô hình hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, liên minh tái chế, các mô hình liên kết vùng, liên kết đô thị với nông thôn và các mô hình khác nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn.	Các bộ, ngành có liên quan; các địa phương		2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
12.	Phát triển và nhân rộng mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh và nông nghiệp hữu cơ; chuyển đổi cách tiếp cận từ nông nghiệp nâu sang nông nghiệp xanh; thúc đẩy ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi và xử lý chất thải. Rà soát các quy hoạch nuôi trồng thủy sản để bảo đảm gắn nuôi trồng, chế biến thủy sản với mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển du lịch ven biển.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các bộ, ngành, địa phương		2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.
13.	Từng bước xây dựng và triển khai cơ chế thu gom, tiếp nhận và xử lý ngư cụ và chất thải nhựa phát sinh từ các hoạt động kinh tế biển, trọng tâm là ngư cụ khai thác thủy sản đã qua sử dụng hoặc thất lạc, thông qua hệ thống cảng cá, khu neo đậu và kết nối với các cơ sở xử lý, tái chế trên đất liền, nhằm hạn chế rác thải nhựa xâm nhập ra biển.	Các địa phương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
D. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác ứng phó với biến đổi khí hậu					
1.	Thực hiện phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở phát thải khí nhà kính theo lĩnh vực quản lý; tổ chức vận hành thị trường các-bon trong nước đồng thời với việc triển khai thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
2.	Kiểm soát lượng phát thải khí nhà kính, cung cấp dữ liệu kịp thời cho công tác hoạch định chính sách.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
Đ. Nâng cao hiệu quả tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường					
1.	Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
2.	Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường, tập trung đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề.	Bộ Công an	Các địa phương	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
E. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu					
1.	Phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải; thực hiện công khai thông tin về môi trường nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng, người dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
2.	Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thay đổi hành vi, thói quen, lối sống và chủ động tham gia có trách nhiệm và thân thiện với môi trường; chú trọng biên soạn tài liệu tuyên truyền bằng tiếng dân tộc thiểu số; phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, các tổ chức tôn giáo để vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Các bộ, ngành, địa phương		2026 - 2030 và các năm tiếp theo	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
3.	Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông và các hoạt động giáo dục chính khóa, ngoại khóa.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
4.	Phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; gắn tiêu chí môi trường với các phong trào toàn dân bảo vệ môi trường.	Các địa phương	Các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
G. Tăng cường nguồn lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường					
1.	Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp gắn với đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các lực lượng khác làm việc trong lĩnh vực môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Các địa phương	Các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
2.	Tăng cường hiệu quả của bộ phận, cán bộ tham mưu, thực hiện công tác bảo vệ môi trường tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ trong các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước; khuyến khích đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước.	Các bộ, ngành, địa phương		2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
3.	Xây dựng và triển khai các chương trình tín dụng xanh, ưu tiên đầu tư cho các dự án ứng dụng công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo và xử lý ô nhiễm môi trường; hỗ trợ các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp nâng cao năng lực thẩm định, đánh giá rủi ro và hiệu quả môi trường của các dự án, chương trình đầu tư theo tiêu chí xanh.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
4.	Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó ưu tiên vào một số lĩnh vực then chốt như: công nghệ tái chế, xử lý chất thải, kinh tế tuần hoàn; ứng dụng chuyển đổi số trong bảo vệ môi trường; quản lý và vận hành thị trường các-bon trong nước, kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính, triển khai giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; phòng ngừa, giảm thiểu tác động môi trường, ô nhiễm môi trường, quan trắc và cảnh báo môi trường.	Các bộ, ngành, địa phương		2026 - 2030	Thực hiện theo phạm vi quản lý và chức năng, nhiệm vụ.
5.	Đẩy mạnh liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp nhằm hình thành hệ sinh thái đào tạo - nghiên cứu - ứng dụng trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Các bộ, ngành	Các Viện nghiên cứu, Trường đại học, địa phương	2026 - 2030	Theo chức năng, nhiệm vụ.
6.	Thực hiện các giải pháp, cơ chế đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao tham gia công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Các bộ, ngành, địa phương	Các Trường đại học	2026 - 2030	Theo chức năng, nhiệm vụ.
7.	Thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thúc đẩy Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương	2026 - 2030	
8.	Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng môi trường thiết yếu như: hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị; hệ thống thu	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan		2026 - 2030	Thực hiện theo phạm vi quản lý và

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
	gom, vận chuyển, xử lý rác thải phù hợp cho từng loại rác, các nhà máy tái chế, xử lý rác thải hữu cơ, chất thải nguy hại; cải thiện và phục hồi môi trường các lưu vực sông; thích ứng với biến đổi khí hậu; hỗ trợ hoạt động chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, vận hành thị trường các-bon.				chức năng, nhiệm vụ.
9.	Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, công nghệ mới không phát thải, công nghệ lưu trữ năng lượng, thu giữ và sử dụng các-bon.	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành, địa phương	2026-2030	
10.	Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ chiến lược trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung vào: giám sát, đánh giá, phân tích và cảnh báo môi trường; tái chế, xử lý chất thải; cải tạo, phục hồi môi trường và bảo tồn hệ sinh thái; phát triển năng lượng sạch, giảm phát thải các-bon.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan; các địa phương	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	
	Xây dựng và thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển các chuyên ngành khoa học mũi nhọn trong tái chế chất thải, sản xuất vật liệu thân thiện với môi trường.	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ, ngành có liên quan	Các bộ, ngành có liên quan; các địa phương	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.
11.	Xây dựng và nhân rộng các giải pháp, mô hình thành phố, đô thị sinh thái thông minh, giao thông thông minh và quản lý năng lượng thông minh.	Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, các bộ, ngành và địa phương	Các bộ, ngành có liên quan	2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Tiến độ	Ghi chú
12.	Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào Việt Nam, thông qua đó thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ, tiếp nhận và làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nguồn về bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh.	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan		2026 - 2030 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN RÀ SOÁT, NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BAN HÀNH MỚI

(Kèm theo Kế hoạch tại Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì	Tiến độ	Ghi chú
I.	**Văn bản trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội**			
1.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	
2.	Luật Biến đổi khí hậu và các văn bản quy định chi tiết thi hành	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2031	
3.	Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh về cảnh sát môi trường	Bộ Công an	2026	
II.	**Văn bản trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**			
1.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	
2.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cập nhật, điều chỉnh danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026- 2031	
3.	Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	
III.	**Văn bản các bộ, ngành ban hành theo thẩm quyền**			
1.	Thông tư sửa đổi, bổ sung các thông tư quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	
2.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái sử dụng nước thải làm nước tưới cây	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	
3.	Các quy định, hướng dẫn thực hiện đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính của các ngành, lĩnh vực đối với các cơ sở, doanh nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì	Tiến độ	Ghi chú
4.	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hạ tầng theo hướng đa mục tiêu, tích hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu trong các ngành kinh tế.	Các bộ, ngành	2026 - 2030	
IV.	**Văn bản được đề xuất trên cơ sở kết quả rà soát**			
1.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan đến thuế, phí bảo vệ môi trường (nếu có).	Bộ Tài chính	2026	Trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với thuế bảo vệ môi trường, phí bảo vệ môi trường.
2.	Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm thực hiện hiệu quả mục tiêu chính sách về bảo vệ môi trường.	Các bộ, ngành	2026 - 2030	
3.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường.	Các bộ, ngành, địa phương	2026 - 2030	